

CƠ CẤU DÂN SỐ TỈNH TIỀN GIANG QUA HAI CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở 1999, 2009

HUỖNH PHẨM DŨNG PHÁT*

TÓM TẮT

Cơ cấu dân số tỉnh Tiền Giang đã và đang có những chuyển biến mạnh mẽ qua hai cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở. Dân số đang thay đổi theo xu hướng già hóa và bước vào thời kỳ cơ cấu dân số “vàng” với dân số nam tăng nhanh hơn nữ; lực lượng lao động ngày càng tăng cùng với dân số hoạt động kinh tế ngày càng nhiều, nhưng phần lớn vẫn hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Những sự thay đổi trên sẽ tạo ra thời cơ cũng như sức ép đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong ngắn hạn và dài hạn.

Từ khóa: cơ cấu dân số, cơ cấu dân số tỉnh Tiền Giang.

ABSTRACT

The population structure of Tien Giang province through the population and housing census 1999, 2009

According to the two censuses of population and housing, there have been significant changes in the population structure of Tien Giang province. The tendency shows an aging population and a golden population structure, in which the male population grows faster than the female population; the labor force is developing along with a growth in economic activities although most still fall into agriculture. These changes will create opportunities as well as pressures for socio-economic development of the province in the short and long term.

Keywords: population structure, the population structure of Tien Giang province.

1. Đặt vấn đề

Cơ cấu dân số là một thành phần quan trọng trong nghiên cứu dân số học, đây cũng là yếu tố có những tác động nhất định đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia hay một địa phương. Kết quả hai cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở cho thấy tỉnh Tiền Giang đang trải qua những biến đổi quan trọng trong cơ cấu dân số. Đánh giá được hiện trạng cơ cấu dân số sẽ thấy được thời cơ cũng như những sức

ép đối với phát triển kinh tế - xã hội. Bài viết bước đầu đánh giá những chuyển biến của cơ cấu dân số tỉnh Tiền Giang theo cơ cấu sinh học và xã hội trong giai đoạn 1999 – 2009, làm cơ sở cho việc đề ra những giải pháp để tận dụng một cách hiệu quả những lợi tức do cơ cấu dân số mang lại, từ đó có sự điều chỉnh phù hợp đối với chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ cấu sinh học tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009

2.1.1. Cơ cấu dân số theo độ tuổi (bảng 1)

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Bảng 1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009

Đơn vị: %

Nhóm tuổi	1999	2009
0 – 14	29,9	24,1
15 – 59	62,1	66,4
60 ⁺	8,0	9,5

Nguồn: Xử lý từ [2], [5]

Bảng 1 cho thấy cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang mang đặc điểm cơ cấu trẻ với tỉ trọng người từ 60 tuổi trở lên ở dưới mức 10%. Tuy nhiên, cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh Tiền Giang đang có sự biến đổi theo xu hướng già hóa. Biểu hiện ở tỉ trọng dân số trong nhóm 0 – 14 tuổi giảm 5,8%, từ 29,9% năm 1999 xuống còn 24,1%

năm 2009 (dưới mức 25%). Trong khoảng thời gian tương ứng, tỉ trọng của nhóm 15 – 59 tuổi tăng 4,3% và nhóm 60 tuổi trở lên tăng 1,5%.

Xét về tỉ số phụ thuộc, cả hai nhóm tuổi phụ thuộc đều đang có những biến chuyển theo hướng ngược chiều nhau (xem bảng 2).

Bảng 2. Tỉ số dân số phụ thuộc tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009

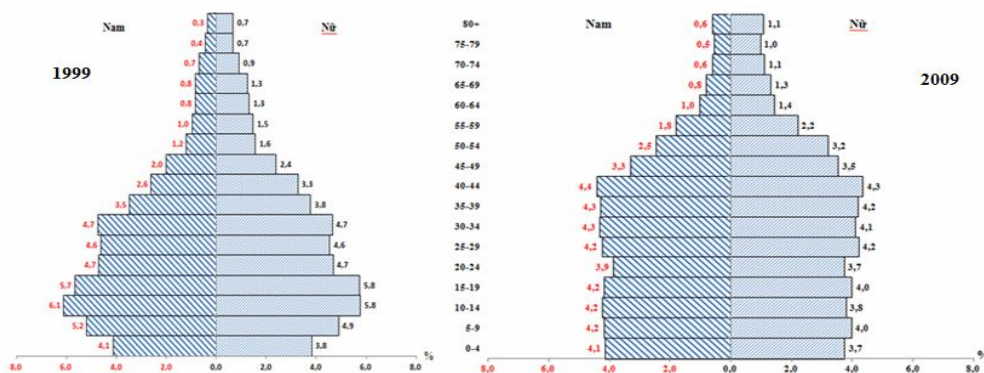
Đơn vị: %

	1999	2009
Tỉ số phụ thuộc trẻ	46,6	33,7
Tỉ số phụ thuộc già	9,1	10,0
Tỉ số phụ thuộc chung	55,7	43,7

Nguồn: Xử lý từ [2], [5]

Tỉ trọng nhóm 0 – 14 tuổi giảm xuống đã làm cho tỉ số phụ thuộc trẻ cũng giảm theo khá mạnh: 12,9%, từ 46,6% năm 1999 xuống còn 33,7% năm 2009; thấp hơn mức trung bình của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 35,8% và cả nước 35,4% [6]. Trong khi đó, tỉ số phụ thuộc già tuy chỉ tăng nhẹ 0,9% (từ 9,1% năm 1999 lên 10% năm 2009) nhưng lại cao hơn mức bình quân của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (8,5%) và cả nước (9,3%). Điều này đã

làm cho tỉ số phụ thuộc chung giảm nhanh qua các năm; cụ thể đã giảm 12%, từ 55,7% năm 1999 xuống còn 43,7% năm 2009. Tỉ số này tuy thấp hơn cả nước (44,7%) nhưng vẫn cao hơn so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long (42,3%). Tiền Giang bước vào thời kì cơ cấu dân số “vàng” khi tỉ số phụ thuộc chung xuống dưới mức 50% [1], mở ra cơ hội thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Hình 1. Tháp dân số tỉnh Tiền Giang năm 1999 và 2009

Hình dạng tháp tuổi (hình 1) thay đổi từ kiểu mở rộng sang kiểu thu hẹp, phần chân tháp thu hẹp lại khá rõ; phần thân tháp dần ổn định và khá đồng đều giữa các nhóm tuổi; phần đỉnh tháp mở rộng hơn nhưng không đáng kể. Nói cách khác, phần nửa trên của tháp đang mở rộng ra còn phần nửa dưới của tháp đang thu hẹp lại. Đây cũng là biểu hiện đặc trưng cho sự biến đổi theo xu hướng già hóa trong cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh Tiền Giang.

Trong cấu trúc của từng nhóm tuổi cũng có sự biến đổi. Nhìn chung, tỉ trọng của độ tuổi dưới 35 giảm đi còn các độ tuổi trên 35 đều tăng lên. Tất cả các nhóm tuổi trong nhóm 0–14 tuổi đều có xu hướng giảm. Trong đó, nhóm 0–4 tuổi giảm ít nhất và không đáng kể: từ 8,0% xuống 7,9%; nhóm 5–9 tuổi giảm khá nhanh từ 10,1% xuống 8,1%; nhóm 10–14 tuổi giảm nhanh nhất: từ 11,9% xuống 8%, giảm 3,9%. Đây là dấu hiệu cho thấy xu hướng già tăng trở lại của nhóm trẻ sơ sinh sau thời kỳ giảm do tác động của chính sách dân số. Các nhóm tuổi trong nhóm 15–59 tuổi có sự biến động tăng giảm khác nhau.

Cụ thể, nhóm 15–19 tuổi giảm mạnh nhất là 3,2%, từ 11,4% xuống 8,2%; các nhóm tuổi còn lại giảm nhẹ trong khoảng từ 1% đến 1,5%. Nhóm 35–39 tuổi tăng thấp nhất: từ 7,2% lên 8,5% (tăng 1,3%); tăng cao nhất (2,9%) là nhóm 40–44 tuổi: từ 5,9% lên 8,8%; các nhóm tuổi còn lại tăng trong khoảng từ 1,5% đến 2%. Các nhóm tuổi trong nhóm từ 60 tuổi trở lên đều tăng nhưng khá chậm, chỉ từ 0,1% đến 0,5%.

Những biến đổi trong cơ cấu dân số theo tuổi như trên sẽ có những tác động sâu sắc đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang. Thuận lợi đầu tiên thể hiện ở tỉ số phụ thuộc đạt ở mức dưới 50%, hai người trong độ tuổi lao động chỉ phải “gánh” một người phụ thuộc. Trong điều kiện này, lực lượng lao động sẽ tăng nhanh, nếu được tận dụng tốt, đây sẽ là thời cơ cho việc tích lũy vốn và giảm thiểu những chi phí đối với nhóm dân số phụ thuộc trẻ. Tỉ trọng nhóm 0–14 tuổi giảm xuống đã phần nào giảm được sức ép gia tăng dân số, giảm thiểu trước mắt những chi phí đối với các vấn đề về y tế, giáo dục và đào tạo các bậc học dưới trung học cơ sở.

Tận dụng cơ hội này để tập trung nguồn lực xã hội, nâng cao điều kiện chăm sóc cho thế hệ trẻ như cải thiện hơn nữa chất lượng dịch vụ giáo dục và y tế cho thanh thiếu niên, qua đó cải thiện chất lượng của lực lượng lao động trong tương lai.

Thuận lợi thứ hai đó là cơ cấu dân số “vàng”. Cơ cấu dân số “vàng” đã tạo nguồn lao động dồi dào, phục vụ trực tiếp cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt trong bối cảnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay. Vì vậy, Tiền Giang cần phải có những kế hoạch cụ thể để đón đầu và tận dụng tốt nhất những lợi tức do cơ cấu dân số “vàng” mang lại.

Tuy nhiên, nguồn lao động đông và tăng nhanh cũng sẽ tạo nên sức ép về việc làm đối với phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi quá trình phát triển kinh tế của tỉnh cần gắn liền với việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn nữa cho nguồn lao động tăng thêm, nhất là trong điều kiện tỉ trọng nhóm người trên 60 tuổi đang tăng lên cũng như các

chỉ số già hóa hay chỉ số phụ thuộc già của tỉnh hiện nay đều đang cao hơn mức trung bình của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nếu không giải quyết được vấn đề việc làm cho nhóm tuổi lao động - lực lượng tạo ra của cải vật chất chính - sẽ gây khó khăn trong việc đảm bảo các chế độ phúc lợi xã hội đối với nhóm người già ngày càng tăng cũng như ảnh hưởng đến khả năng cải thiện chất lượng nhân lực như đã đề cập ở trên. Đây là vấn đề mà tỉnh Tiền Giang cần phải chú trọng hơn nữa trong quá trình điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vì nguồn nhân lực sẽ là nhân tố quyết định đến việc hoàn thành hay không mục tiêu tỉnh đã đề ra đến năm 2020, đó là “cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp vượt trung bình cả nước từ hai đến ba năm” [8]; trong đó, tỉnh cần tập trung các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề... để nâng cao khả năng tham gia lực lượng lao động cho nguồn lao động mới tăng thêm.

2.1.2. Cơ cấu dân số theo giới tính (xem bảng 3)

Bảng 3. Cơ cấu dân số theo giới tính tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009

	1999	2005	2009
Tỉ số giới tính (nam/100 nữ)	93,7	94,1	96,6
Tỉ số giới tính khi sinh (nam/100 nữ)	105	107	111

Nguồn: Xử lý từ [2], [3] và [5]

Trong giai đoạn 1999 – 2009, cơ cấu dân số theo giới tính của tỉnh Tiền Giang có sự chuyển biến theo hướng tăng tỉ số giới tính. Điều này cho thấy dân số nam tăng nhanh hơn so với dân

số nữ. Tỉ số giới tính tăng lên từ 93,7% năm 1999 lên 94,1% năm 2005 và đạt 96,6% năm 2009, nhưng vẫn thấp hơn mức bình quân của cả nước (97,6%) [6]. Một đặc điểm cần lưu ý đó là tỉ số giới

tính ở giai đoạn sau có sự gia tăng nhanh hơn giai đoạn trước. Cụ thể, từ năm 1999 đến 2005, tỉ số giới tính chỉ tăng thêm 0,4% nhưng từ năm 2005 đến năm 2009, tỉ số giới tính đã tăng 2,5%.

Nguyên nhân của việc tăng nhanh tỉ số giới tính là do sự thay đổi của tỉ số giới tính khi sinh. Bảng 3 cho thấy sự thay đổi của tỉ số giới tính tỉnh Tiền Giang trong giai đoạn 1999 – 2009. Tỉ số giới tính khi sinh của tỉnh tăng lên từ 105 năm 1999 lên 111 năm 2009, đó là chỉ số cao nhất trong các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (năm 2009, vùng Đồng bằng sông Cửu Long ở mức 110,1 và cả nước là 110,6 [7]). Từ năm 1999 đến năm 2003, tỉ số giới tính khi sinh của tỉnh luôn duy trì trong mức sinh học bình thường (năm trong khoảng từ 104 – 106 [7]). Năm 2005, tỉ số giới tính khi sinh vượt mức 106 và tiếp tục tăng nhanh trong những năm tiếp theo. Đặc điểm này lí giải tại sao dân số nam ngày càng tăng nhanh hơn so với dân số nữ và làm cho tỉ số giới tính có sự biến chuyển nhanh hơn ở giai

đoạn từ năm 2005 đến nay. Đặc điểm này cho thấy vấn đề chênh lệch giới tính của tỉnh đang có dấu hiệu ngày càng gia tăng ở độ tuổi mới sinh. Tỉnh cần có những biện pháp kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ lựa chọn giới tính thai nhi và linh động trong chính sách khuyến khích sinh con gái như hỗ trợ y tế, giáo dục cho gia đình sinh trẻ em gái.

Như vậy, thông qua hai chỉ số đặc trưng cho cơ cấu dân số theo giới, đó là tỉ số giới tính và tỉ số giới tính khi sinh, có thể thấy dân số nam đang có xu hướng tăng nhanh hơn so với dân số nữ, đặc biệt ở độ tuổi mới sinh. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp và tạo ra nguy cơ mất cân bằng giới tính của tỉnh về lâu dài. Đây là vấn đề đáng báo động mà tỉnh Tiền Giang cần phải có những giải pháp cụ thể để điều chỉnh kịp thời.

2.2. Cơ cấu xã hội của dân số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009

2.2.1. Cơ cấu dân số theo lao động (xem bảng 4)

Bảng 4. Quy mô, cơ cấu dân số trong tuổi lao động chia theo loại hoạt động tỉnh Tiền Giang năm 1999 và 2009

	1999		2009	
	Người	%	Người	%
Dân số hoạt động kinh tế	818.800	84,3	920.699	85,9
Đang làm việc	788.811	81,2	888.882	83,0
Thất nghiệp	29.989	3,1	31.817	2,9
Dân số không hoạt động kinh tế	153.064	15,7	150.782	14,1
Đi học	62.251	6,4	62.494	5,8
Nội trợ	75.854	7,8	67.806	6,3
Không có khả năng lao động	7455	0,7	7603	0,7
Không có nhu cầu lao động	7504	0,8	3549	0,3

Nguồn: [2], [5]

Bảng 4 cho thấy tỉnh Tiền Giang có số lượng dân số hoạt động kinh tế đông, tăng nhanh và chiếm tỉ trọng cao. Từ năm 1999 đến năm 2009, dân số hoạt động kinh tế của tỉnh đã tăng từ 818.800 người lên 920.699 người, tăng khoảng 102.000 người. Năm 2009, dân số hoạt động kinh tế chiếm tới 85,9% dân số của tỉnh; trong đó, chủ yếu là dân số đang làm việc với số lượng gần 890.000 người, chiếm 55,4% dân số của tỉnh và cũng tăng nhanh. Qua 10 năm, dân số đang làm việc tăng lên khoảng 100.000 người. Vấn đề tồn tại chính là số người thất nghiệp, tuy có dấu hiệu tương đối lạc quan khi có tỉ trọng giảm (năm 2009 chỉ chiếm 2,9% dân số của tỉnh) nhưng về quy mô lại tăng gần 2000 người.

Dân số không hoạt động kinh tế có chiều hướng giảm cả về quy mô và tỉ trọng. Qua 10 năm, dân số không hoạt động kinh tế của tỉnh đã giảm 2282 người, năm 2009 chỉ còn chiếm 14,1% dân số của tỉnh; trong đó, giảm mạnh nhất thuộc về số người không có nhu cầu lao động và nội trợ. Cụ thể, số người không có nhu cầu lao động đã giảm khoảng 4000 người, số người nội trợ giảm hơn 8000 người. Số người đi học vẫn duy trì ở mức trên 62.000 người, chiếm 5,8% dân số của tỉnh vào năm 2009. Số người không có khả năng lao động chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ là 0,7%.

Như vậy, dân số không hoạt động kinh tế của tỉnh còn chiếm tỉ lệ tương đối cao trong tổng số dân dù có xu hướng giảm dần qua các năm, trong đó,

chủ yếu là do số người trong nhóm dân số không có nhu cầu lao động và nội trợ giảm. Đặc điểm này cho thấy nhu cầu lao động của dân số ngày càng tăng lên, hay nói cách khác, khả năng tham gia lực lượng lao động của dân số tỉnh ngày càng được cải thiện. Điều này biểu hiện ở tỉ lệ tham gia vào lực lượng lao động của tỉnh đã tăng lên từ 81,2% năm 1999 lên 83,0% năm 2009.

Xu hướng biến động cơ cấu dân số trong những năm gần đây cho thấy khả năng gia tăng lực lượng lao động trong những năm tới. Cùng với sự gia tăng của lực lượng lao động mới bước vào tuổi lao động sẽ làm cho lực lượng lao động của tỉnh thêm dồi dào và tăng nhanh, đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế trong bối cảnh tỉnh Tiền Giang đang đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa.

2.2.2. Cơ cấu dân số hoạt động theo khu vực kinh tế

Cơ cấu dân số hoạt động hay cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009 đang có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỉ trọng lao động trong khu vực I, tăng tỉ trọng lao động trong khu vực II và III. Tỉ trọng lao động trong khu vực I đã giảm 8,5%: từ 71,2% năm 1999 xuống còn 62,7% năm 2009. Tỉ trọng lao động trong khu vực II tăng 3%: từ 9,8% năm 1999 lên 12,8% năm 2009. Tỉ trọng lao động trong khu vực III cũng tăng 5,5%: từ 19,1% năm 1999 lên 24,6% năm 2009 [3]. Nhìn chung, xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động như trên là tích

cực và phù hợp với xu hướng chuyển dịch chung của cả nước, tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch còn chậm.

Nguyên nhân là do nền kinh tế của tỉnh vẫn còn phụ thuộc quá nhiều vào sản xuất nông nghiệp, trong khi đó, khu vực công nghiệp và dịch vụ lại chưa thật sự phát triển để tạo được nhiều việc làm cho người lao động. Bên cạnh đó, người dân còn chưa có nhiều kinh nghiệm cũng như trình độ để chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp sang các ngành kinh tế khác. [4]

3. Kết luận

Nhìn chung, cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh Tiền Giang mang đặc điểm cơ cấu dân số trẻ nhưng đang biến đổi theo xu hướng già hóa và đã bước vào thời kỳ cơ cấu dân số “vàng”, mở ra rất nhiều cơ hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Cơ cấu dân số theo giới cũng đang có sự thay đổi theo hướng gia tăng tỉ số giới tính, nam giới tăng nhanh hơn nữ giới, đặc biệt ở độ tuổi mới sinh. Điều này thể hiện qua việc tỉ số giới tính khi sinh của tỉnh tăng liên tục trong những năm gần đây. Cơ cấu dân số theo lao động đang có những chuyển biến tích cực đối với sự phát triển kinh tế -

xã hội khi nhóm dân số hoạt động kinh tế tăng nhanh (đặc biệt là nhóm người đang làm việc), đồng thời nhóm dân số không hoạt động kinh tế giảm xuống. Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế cũng đang có sự chuyển dịch tích cực, tuy nhiên tốc độ chuyển dịch còn chậm và cần đẩy mạnh hơn nữa trong thời gian tới.

Dựa trên kết quả đã phân tích, có thể thấy rất nhiều lợi tức từ cơ cấu dân số mang lại cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đó là một nguồn lao động dồi dào cùng với tỉ lệ tham gia lực lượng lao động tương đối cao. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những hạn chế, như: tỉ số giới tính khi sinh hiện đang ở mức cao so với cả nước, số trẻ em có xu hướng tăng trở lại, dân số đang già hóa nhưng nền kinh tế chưa đáp ứng một cách tốt nhất về phúc lợi, nhất là đối với số lượng dân số phụ thuộc đang ngày càng tăng. Từ đó, tỉnh cần có những hệ thống giải pháp đồng bộ để có thể giải quyết những vấn đề tồn tại của cơ cấu dân số nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Các kết quả chủ yếu*, Nxb Thống kê.
2. Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang (2010), *Dân số Tiền Giang qua số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, Mỹ Tho.
3. Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang (2010), *Niên giám thống kê 2009*, Mỹ Tho.

4. Huỳnh Phẩm Dũng Phát (2012), “Sự chuyển dịch cơ cấu lao động tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1995 – 2010”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*, (41).
5. Tổng cục Thống kê (2000), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 1999* (đĩa CD).
6. Tổng cục Thống kê (2011), *Cấu trúc tuổi – giới tính và tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam*, Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Nxb Thống kê.
7. Tổng cục Thống kê (2011), *Tỉ số giới tính khi sinh ở Việt Nam: Các bằng chứng mới về thực trạng, xu hướng và những khác biệt*, Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Nxb Thống kê.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (2008), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020*, Mỹ Tho.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-7-2013; ngày phản biện đánh giá: 11-9-2013;
ngày chấp nhận đăng: 22-11-2013)